

## ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ .....

### I. ĐỀ THAM KHẢO

#### 1. Đọc. (5 điểm/ 10 điểm)

##### HOA GIẤY

Ai bảo là giấy  
Nắng không bạc màu  
Ai bảo là giấy  
Mưa không ướt nhau

Mông như là giấy  
Mưa nắng nào phai  
Tên nghe rất mỏng  
Nhưng mà dẻo dai.

(Nguyễn Lâm Thắng)

#### 2. Dựa vào bài đọc hoàn thiện những câu ở dưới. (2 điểm/ 10 điểm)

##### ĐÀN KIẾN

Một con kiến phát hiện mẩu bánh rơi. Kiến ta bò quanh mẩu bánh. Kiến nhận ra một mình nó không thể mang nổi mẩu bánh. Nó quay đầu, chạy nhanh về tổ. Gặp những con kiến trong đàn, nó chạm râu để báo tin. Lát sau, cả đàn kiến xúm xít, khiêng được mẩu bánh về tổ.

(Theo Ông ơi! Vì sao lại thế? NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1996)

- Khi phát hiện mẩu bánh rơi, con kiến.....
- Kiến báo tin cho nhau bằng cách .....

#### 3. Viết. (2 điểm/ 10 điểm)

Đào lốm đốm những nụ phớt hồng. Mùa xuân đã đến.

(Theo Vũ Tú Nam)

#### 4. Điền vào chỗ trống. (1 điểm/ 10 điểm)

- |                |            |            |
|----------------|------------|------------|
| a. c hay k?    | con .....á | chữ .....í |
| b. ng hay ngh? | con .....é | .....õ nhỏ |
| c. g hay gh?   | ghế .....õ | con .....ẹ |

## II. MỘT SỐ LƯU Ý

Trên đây là đề tham khảo cho kiểm tra học kì 1. GV có thể dựa vào cấu trúc và định hướng nội dung để tham khảo này để soạn đề kiểm tra học kì phù hợp với đối tượng HS. Các đoạn văn, văn bản trong đề kiểm tra này chỉ để tham khảo. Để kiểm tra thực tế, GV có thể dùng nhiều đoạn văn, văn bản khác nhau, nhưng cần bảo đảm độ dài và độ khó của các đoạn văn, văn bản trong đề kiểm tra thực tế tương đương với các đoạn văn, văn bản trong đề tham khảo này.

Thời gian kiểm tra được rải ra trong tuần cuối của học kì 1. Thời gian này không cố định do phụ thuộc vào thời gian kiểm tra đọc thành tiếng. Lớp học đông thì số lượt HS đọc thành tiếng nhiều. Thời gian kiểm tra kéo dài hơn.

Cấu trúc đề kiểm tra ở học kì 1 này tập trung kiểm tra các kĩ năng đọc thành tiếng, đọc hiểu, viết và chính tả.

Khi thiết kế đề kiểm tra và tiến hành hoạt động kiểm tra, GV cần phải cân nhắc nội dung để kiểm tra và cách thức kiểm tra để việc đánh giá được chính xác và công bằng. Tuy nhiên, việc kiểm tra nên được tổ chức theo hình thức nhẹ nhàng, không gây căng thẳng đối với HS vì cần lưu ý mục tiêu chủ yếu của kiểm tra, đánh giá học kì cũng như kiểm tra, đánh giá thường xuyên là cung cấp thông tin chính xác về sự tiến bộ của HS so với yêu cầu của chương trình, qua đó nâng cao chất lượng dạy học, chứ không phải để cho điểm và tạo ra sự cạnh tranh giữa các HS với nhau.

Việc quy định trọng số điểm cho từng phần trong đề kiểm tra chủ yếu để GV hình dung mức độ ưu tiên đánh giá đối với từng kĩ năng ở thời điểm kết thúc học kì 1. Việc có cho điểm trong kì kiểm tra học kì hay không tùy thuộc vào quy định của các cấp quản lí giáo dục.

### 1. Kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng: Đọc thành tiếng đoạn văn hoặc văn bản (Điểm số của phần này là 5/ 10)

- Để kiểm tra thực tế, GV cần dùng nhiều đoạn văn hoặc văn bản khác nhau cho một kì kiểm tra, nhưng cần bảo đảm độ dài và độ khó (đọc thành tiếng) của các đoạn văn phải tương đương nhau để tạo sự công bằng về cơ hội giữa các HS khi đánh giá. Ngữ liệu để đọc thành tiếng trong đề kiểm tra mẫu là một bài thơ, nhưng GV có thể dùng một đoạn văn hay văn bản văn xuôi có độ dài tương đương.
- Độ dài của đoạn văn đọc thành tiếng dao động trong khoảng 35 – 40 chữ. Việc tăng hay giảm tùy thuộc vào trình độ đọc của HS ở mỗi lớp. Kiểm tra đọc thành tiếng được thực hiện với từng HS một. Vì vậy, thời gian kiểm tra đọc thành tiếng tùy thuộc vào sĩ số HS và tốc độ đọc trung bình của HS cả lớp.
- Từng HS lần lượt đọc thành tiếng đoạn văn hoặc văn bản. GV quan sát, ghi nhận và đánh giá khả năng đọc thành tiếng của HS qua tốc độ đọc (đọc nhanh hay chậm, bao nhiêu tiếng trong một phút) và chất lượng đọc (có đọc đủ rõ và chính xác hay không). Lưu ý ghi nhận những trường hợp đọc sai do “nói ngọng” như nhầm lẫn

*l/n* để giúp HS có ý thức sửa sai. Những HS được kiểm tra đọc thành tiếng liền nhau nên được đọc những đoạn văn hoặc văn bản khác nhau để tránh việc HS đọc sau có ưu thế hơn so với HS đọc ngay trước đó do được đọc đoạn văn hoặc văn bản quen thuộc hơn.

**2. Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu:** Đọc văn bản và điền vào chỗ trống trong những câu cho bên dưới (Điểm số của phần này là 2/ 10)

HS tự đọc văn bản, dựa vào nội dung văn bản, điền thông tin vào chỗ trống để hoàn thiện câu trả lời.

**3. Kiểm tra kĩ năng viết chính tả:** Viết chính tả một đoạn văn rất ngắn (khoảng 10 – 12 chữ) (Điểm số của phần này là 2/ 10).

- GV chép đoạn văn lên bảng. Để tham khảo có 2 câu, tổng cộng 11 tiếng. GV có thể cho HS chép chính tả 1 – 2 câu, độ dài 10 – 12 tiếng tùy vào khả năng thực tế của HS.
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- HS chép lại đoạn văn, chú ý các nét nối, liên kết giữa chữ này với chữ khác. HS chú ý đánh dấu câu, viết hoa đầu câu. Do HS chưa được học viết chữ hoa nên GV lưu ý hỗ trợ HS và không đánh giá phần viết chữ hoa này. Để kiểm tra có thể in sẵn chữ hoa đầu câu để HS không phải viết.
- GV yêu cầu HS rà soát lỗi.

**4. Kiểm tra kĩ năng viết chữ ghi âm đầu đúng chính tả:** Điền chữ vào chỗ trống (Điểm số của phần này là 1/ 10)

- Để kiểm tra cho một số từ ngữ có chữ ghi âm đầu bị lược bỏ; để cũng cung cấp những chữ ghi âm đầu bị lược bỏ đó. HS chọn chữ phù hợp để điền vào chỗ trống.
- Khi thiết kế để kiểm tra phần này, nên để trống (lược bỏ) những chữ mà HS thường mắc lỗi chính tả. Đó có thể là những chữ có liên quan đến quy định về chính tả, phân biệt *c* với *k*, *ng* với *ngh*, *g* với *gh*; hoặc liên quan đến những lỗi chính tả thường gặp do ảnh hưởng phát âm của phương ngữ. GV căn cứ vào đặc điểm đó để thiết kế để kiểm tra cho phù hợp.